

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Phượng;

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA ngày 06/12/2022, Quyết định hoãn phiên toàn số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990. Địa chỉ thường trú: T, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã Th, huyện Th1, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Quan Văn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: T, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Quan Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 3 năm 2009 tại UBND xã T1, huyện C. Sau khi kết

hôn chị B và anh Quan Văn L chung sống tại thôn Tông Lùng, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng giữa anh chị xảy ra những mâu thuẫn ngay từ khi kết hôn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào năm 2020 nguyên nhân do anh L thường hay uống rượu say về chửi mắng vợ con, chị B đã nhiều lần bỏ qua, cho anh L cơ hội sửa đổi nhưng anh L càng ngày càng hay uống rượu rồi chửi mắng chị B khiến chị không chịu đựng được nữa. Chị B cảm thấy cuộc sống vợ chồng mệt mỏi, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị B không còn tình cảm vợ chồng với anh L, chị và anh L sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Chị Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quan Văn L.

Về con chung: Chị B và anh L có hai con chung là Quan Trung H, sinh ngày 15/6/2009 và Quan Gia H1, sinh ngày 26/5/2021. Tại đơn khởi kiện chị B có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi hai con chung là 1.500.000 đồng một tháng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án chị B thay đổi ý kiến, chị B có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Quan Gia H1, nhất trí cho anh L nuôi dưỡng cháu Quan Trung H, mỗi người nuôi dưỡng một con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án anh Quan Văn L trình bày:

Về quan hôn nhân: Anh Quan Văn L và chị Nguyễn Thị B được tự do tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2009. Trước đó anh và chị B đi làm ăn tại Hà Nội nên quen nhau, sau thời gian tìm hiểu đã quyết định cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn anh L và chị B chung sống tại thôn Tông Lùng, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh L thấy giữa anh và chị B không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng vẫn chung sống với nhau bình thường, thỉnh thoảng anh L và chị B có xảy ra những cuộc cãi vã nhỏ nhặt trong cuộc sống hằng ngày nhưng anh L thấy không đáng kể. Cho đến tháng 02 năm 2022 trong một lần anh L đi ăn cơm, uống rượu về có nói to, là nói bố đẻ anh nhưng chị B lại tưởng rằng anh L chửi mắng chị B nên giữa anh L và chị B đã xảy ra cãi nhau, trong lúc nóng giận anh L có đuổi chị B là đi ra ngoài đi, nếu không sợ trong lúc say rượu lại đánh chị B. Sau đó chị B giận anh L nên đã báo anh trai chị B đến đón để về quê tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ sinh sống cho đến nay. Anh L và chị B sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay, từ đó anh L và chị B không còn quan hệ tình cảm, quan hệ kinh tế với nhau nữa. Chị B xin ly hôn anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, Anh L có mong muốn chị B rút đơn ly hôn để về đoàn tụ với anh để cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh Quan Văn L không nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Anh L và chị B có hai con chung là Quan Trung H, sinh ngày 15/6/2009 và Quan Gia H1, sinh ngày 26/5/2021. Anh L không muốn ly hôn nên không muốn hai con phải chia rẽ. Trường hợp chị B cương quyết xin ly hôn với

anh thì anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu anh nuôi hai con chung thì sẽ yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi hai con chung là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) một tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Nếu chị B không nhất trí cho anh nuôi hai con thì anh L nhận nuôi dưỡng cháu Quan Trung H, để chị B nuôi dưỡng cháu Quan Gia H1. Mỗi người nuôi một con nên anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh Quan Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Ý kiến trình bày của con chung trên 07 tuổi*: Tại bản trình bày ý kiến của cháu Quan Trung H gửi Tòa án ngày 24/10/2022 có trình bày nguyện vọng muốn được mẹ Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng khi chị B và anh Quan Văn L ly hôn.

Do hòa giải không thành, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Quan Văn L, trước khi mở phiên tòa chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nêu quan điểm như sau: Về quan hệ hôn nhân chị B giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Quan Văn L; về con chung chị giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2022 tại Tòa án nhân dân huyện C, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quan Gia H1, nhất trí để anh L nuôi dưỡng cháu Quan Trung H mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Ngoài ra chị B cung cấp bảng lương làm việc tại trường Tiểu học xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ với mức thu nhập 2.500.000 đồng một tháng; về tài sản chung: Chị B và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Anh Quan Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến khác với ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Nguyễn Thị B; cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Quan Văn L.

- Về con chung: Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị B giữ nguyên ý kiến đã thỏa thuận về nuôi con chung tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2022, anh L vắng mặt không có ý kiến trình bày. Xét thu nhập của chị B, anh L và các điều kiện để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét giao cháu Quan Trung H, sinh ngày 15/6/2009 cho anh Quan Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Quan Gia H1, sinh ngày 26/5/2021 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung: Chị B và anh L tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị B và anh L đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Quan Văn L; anh Quan Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn Tông Lùng, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Quan Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C quyết định xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B, anh Quan Văn L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2009 tại UBND xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại thôn Tông Lùng, xã T1, huyện C cho thấy: Chị Nguyễn Thị B và anh Quan Văn L kết hôn, chung sống với nhau tại thôn Tông Lùng, xã T1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; đại diện thôn biết giữa anh L, chị B có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ thời điểm mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh. Chị B, anh L không báo đến tổ hòa giải của thôn để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên thôn không nắm được mâu thuẫn giữa chị B, anh L cụ thể là gì. Đại diện thôn chỉ

nghe dư luận từ các hộ dân sinh sống gần nhà chị B, anh L về việc vợ chồng anh chị thường hay xảy ra cãi nhau do anh L đi uống rượu. Khoảng tháng 02 năm 2022 (sau Tết Nguyên đán), trong một lần anh L đi uống rượu say về có xảy ra cãi nhau với chị B, chị B đã gọi người nhà tại tỉnh Phú Thọ đến đón chị cùng hai con về quê tại tỉnh Phú Thọ sinh sống và sống ly thân với anh L, đến thời điểm Tòa án xác minh đại diện thôn không thấy chị B về thôn Tông Lũng, xã T1, huyện C sinh sống nữa, còn anh L vẫn sinh sống tại thôn Tông Lũng, xã T1, huyện C.

Quá trình giải quyết vụ án anh Quan Văn L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh L có nguyện vọng đoàn tụ với chị B, không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình chung sống giữa anh L và chị B đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau do anh L thường hay đi uống rượu khiến hôn nhân giữa chị B, anh L không còn hạnh phúc, từ thời điểm tháng 02 năm 2022 chị B, anh L đã không chung sống cùng nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị B nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án ngày 28/7/2022, đơn khởi kiện xin ly hôn của chị B đã được Hòa giải viên hòa giải theo trình tự của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 10 năm 2022 nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa chị B, anh L không khắc phục được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị B và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B, xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Quan Văn L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Quan Văn L có 02 con chung là Quan Trung H, sinh ngày 15/6/2009 và Quan Gia H1, sinh ngày 26/5/2021. Tại biên bản hòa giải ngày 17/11/2022 chị B, anh L thỏa thuận để chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quan Gia H1, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quan Trung H, mỗi người nuôi một con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị B và anh Quan Văn L đều xuất phát từ tình cảm của người mẹ, người bố đối với con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện nuôi dưỡng con của chị B, anh L và nguyện vọng của cháu Quan Trung H thấy rằng: Anh Quan Văn L thuộc hộ nghèo, mức thu nhập bình quân của một người trong hộ là 1.000.000 đồng một tháng. Chị Nguyễn Thị B cung cấp bảng lương xác nhận đang làm việc tại trường Tiểu học Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ với mức thu nhập 2.500.000 đồng một tháng. Cháu Quan Trung H có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị B, anh L là như nhau, tuy cháu Huân có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị B, anh L thỏa thuận mỗi người nuôi một cháu. Xét thấy để đảm bảo cho sự phát triển cả về thể chất và tinh thần cho hai cháu, đảm bảo quyền của cha và mẹ. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Quan Trung H cho anh Quan Văn L, giao cháu Quan Gia H1 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B, anh Quan Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Quan Văn L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*. Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của Chị Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Quan Văn L.

2. Về con chung: Giáo cháu Quan Trung H, sinh ngày 15/6/2009 cho anh Quan Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giáo cháu Quan Gia H1, sinh ngày 26/5/2021 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Quan Văn L, chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau sau ly hôn.

Sau ly hôn, anh Quan Văn L, chị Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005465, ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Quan Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B và anh Quan Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T1;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Tú

